

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025.

Để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ*); Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 (*sau đây gọi tắt là Chương trình số 10-CTr/TU của Tỉnh ủy*) gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; căn cứ yêu cầu phát triển và tình hình thực tế địa phương, UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện cụ thể, như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

1.1. Quán triệt, chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 10-CTr/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

1.2. Chương trình hành động của UBND tỉnh thể hiện rõ những nội dung, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện cụ thể nhằm thực hiện đảm bảo các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các khâu đột phá, công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 và các nội dung liên quan của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2021 và phù hợp với bối cảnh, tình hình chung của quốc tế, quốc gia và địa phương.

2. Yêu cầu:

2.1. Chương trình hành động của UBND tỉnh là căn cứ để các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng chương trình hành động thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành và địa phương; tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, khoa học và hiệu quả, nỗ lực phấn đấu đạt hiệu quả cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, trong

đó: (1) Phần đầu đến năm 2025, là tỉnh phát triển khá của cả nước; (2) Đến năm 2030, là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp ngân sách Trung ương; (3) Đến năm 2045, tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, 2030 và 2045 được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2.2. Trong quá trình thực hiện, yêu cầu các cấp, các ngành và địa phương phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, quán triệt phương châm “*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển*”.

2.3. Huy động toàn bộ các nguồn lực, triển khai thực hiện đồng bộ, nhất quán, quyết liệt, thực chất, sát với yêu cầu phát triển, điều kiện thực tiễn; tự lực, tự cường, kịp thời vượt qua những khó khăn, thách thức và bất lợi để đạt được hiệu quả cao nhất.

II. Nhiệm vụ chủ yếu:

1. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

1.1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

1.2. Thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi nền kinh tế trong ngay từ những tháng, năm đầu của nhiệm kỳ; tận dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển trong cả nhiệm kỳ; tăng cường phòng, chống và xây dựng kế hoạch ứng phó với dịch bệnh kéo dài, ứng phó với biến đổi khí hậu,...

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số, tận dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư:

2.1. Quy hoạch phát triển vùng, các ngành, lĩnh vực:

a) Xây dựng và triển khai thực hiện những quy hoạch lớn, như: Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030 và một số quy hoạch vùng của các huyện, thành phố; điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận, phê duyệt quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc.

b) Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm trên

2035 và tầm nhìn đến năm 2050, nhằm tăng cường liên kết, khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh từng vùng, tạo sức mạnh chung của nền kinh tế.

c) Xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng gắn với quy hoạch phát triển, rút ngắn thời gian và khoảng cách kết nối với vùng Tây nguyên, Đông Nam bộ và Duyên hải Nam Trung bộ. Huy động các nguồn lực để triển khai các dự án, công trình trọng điểm có tác động lan tỏa, như: dự án đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương, các tuyến đường quốc lộ,...

d) Phát triển đô thị phù hợp, gắn với xu hướng phát triển đô thị thông minh, đô thị cảnh quan, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng đô thị; xây dựng và mở rộng thành phố Đà Lạt phát triển hài hòa, hiện đại, có kiến trúc độc đáo, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; xây dựng thành phố Bảo Lộc hiện đại, có đặc trưng riêng của thành phố cao nguyên (đạt tiêu chí đô thị loại 2); Đức Trọng trở thành thị xã (đạt tiêu chí đô thị loại 3).

2.2. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới:

a) Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng đa ngành, bền vững, hiện đại có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao. Thực hiện quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống nhà kính, nhà lưới, góp phần bảo vệ cảnh quan, môi trường, phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.

b) Phát triển mạnh kinh tế nông thôn (đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số); xây dựng mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường,... để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trước năm 2025; trong đó: 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Đơn Dương và Đà Tẻ là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Bố trí, sắp xếp lại một số cây trồng chính, có lợi thế và phát triển vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn; mở rộng diện tích sản xuất rau, hoa, dược liệu, cây ăn quả,... phát triển mạnh cá nước lạnh và những sản phẩm cao cấp; mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn kết nối chuỗi liên kết giữa sản xuất với công nghiệp bảo quản, chế biến, tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu, nâng giá trị xuất khẩu hàng năm từ 1,5 - 2 tỷ USD; duy trì diện tích sản xuất cây lương thực, giảm các diện tích cây trồng kém hiệu quả (cà phê, chè, điều,...).

d) Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành trung tâm nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao cấp quốc gia và quốc tế. Phát triển thương hiệu sản phẩm, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tăng nhanh tỷ lệ nông sản được dán nhãn thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong phân phối, tiêu thụ nông sản.

đ) Mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình về Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung trên cơ sở phát triển các trang

trại chăn nuôi công nghệ cao, dự án đầu tư với quy mô lớn, quy trình sản xuất khép kín và đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, giảm giá thành và kiểm soát dịch bệnh.

e) Phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nông cốt là hợp tác xã và tổ hợp tác; mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác và các chuỗi giá trị với mô hình “*Doanh nghiệp là nông cốt; kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác là trung tâm; nông dân là chủ thể*”.

2.3. Phát triển dịch vụ, du lịch chất lượng cao:

a) Về thương mại, dịch vụ:

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại cao cấp và phát triển hỗn hợp cấp vùng tại thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và các đô thị trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích xã hội hóa các chợ hạng 1, hạng 2; nâng cấp, cải tạo, xây dựng và phát triển các chợ truyền thống, chợ đầu mối, kho lạnh nông sản.

- Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, dịch vụ không tiếp xúc trên toàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý thị trường, bảo vệ quyền của người tiêu dùng, đấu tranh phòng chống các hành vi gian lận thương mại.

- Mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng và xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu. Chủ động sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh, phòng tránh các hàng rào thương mại để phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, mặt hàng mới của tỉnh và thâm nhập thị trường hiệu quả.

b) Về du lịch:

- Triển khai các giải pháp đồng bộ để phát triển du lịch thật sự trở thành ngành kinh tế động lực theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy. Xây dựng Đà Lạt và vùng phụ cận thành trung tâm du lịch chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Phát triển du lịch phù hợp với tình hình mới, xây dựng kế hoạch khôi phục hoạt động kinh doanh du lịch sau đại dịch Covid-19.

- Quy hoạch, mở rộng không gian du lịch, định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng theo từng cụm du lịch trên địa bàn tỉnh; mở rộng không gian du lịch đến các huyện, thành phố trong tỉnh. Tăng cường thu hút khách du lịch nội địa, tăng cường kết nối vùng giữa tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh miền Đông Nam bộ, Duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên.

- Đầu tư một số khu đô thị gắn liền với du lịch; ưu tiên nguồn lực đầu tư cải thiện và nâng cấp hạ tầng phục vụ du lịch (sân bay, bãi đậu xe, bến xe...), đầu tư đồng bộ hạ tầng Khu du lịch Quốc gia Hồ Tuyền Lâm theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Chú trọng đầu tư các sản phẩm du lịch mới, cao cấp, các trung tâm vui chơi, giải trí tổng hợp; phát triển loại hình du lịch canh nông, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch sinh thái dưới tán rừng, du lịch thể thao mạo hiểm,...nhằm kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao mức chi tiêu bình quân của du khách. Phát triển các sản

phẩm du lịch ban đêm gắn với kinh tế đêm; tổ chức các chương trình du lịch và chuỗi sự kiện ban đêm để thu hút du lịch, thu hút các dự án du lịch văn hóa và du lịch giải trí.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quảng bá, xúc tiến, quản lý du lịch. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ quản lý và hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế.

2.4. Phát triển công nghiệp có chọn lọc:

a) Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường; nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Phát triển công nghiệp chế biến sâu các mặt hàng nông sản (trà, cà phê, dâu tằm, chế biến sữa, phân loại, bảo quản rau, hoa, quả,...).

b) Tiếp tục cơ cấu lại ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo theo Kế hoạch số 6250/KH-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 08/10/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mở rộng các dự án lĩnh vực công nghiệp phù hợp với mục tiêu phát triển, đảm bảo thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường và có doanh thu cao đóng góp cho ngân sách nhà nước, như: sợi len lông cừu, sản xuất Alumin, dự án sản xuất bia,...

c) Triển khai thực hiện Kế hoạch số 134-KH/TU ngày 28/7/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển hợp lý các dự án sản xuất năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) theo quy hoạch.

d) Đầu tư hoàn thiện hạ tầng các Khu, Cụm công nghiệp để hỗ trợ tốt nhất việc hình thành các cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa dựa trên khả năng kết nối chuỗi giá trị và khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp, đón đầu dòng dịch chuyển vốn FDI. Đẩy mạnh lựa chọn, thu hút đầu tư ngành công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, gia tăng giá trị nông sản. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn và dự án của doanh nghiệp FDI đầu tư trong các cụm ngành công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, nhất là phục vụ du lịch.

2.5. Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước:

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 23/5/2018 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 5127/KH-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

b) Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước, khắc phục triệt để tình trạng thất thu trong các lĩnh vực

như: chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng tài sản, khoáng sản, xăng dầu,...

c) Xây dựng cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo tính chủ động của ngân sách địa phương.

d) Xây dựng lộ trình, giải pháp và quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra nhằm đạt mục tiêu đến năm 2025 ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển chiếm 30% trở lên trong tổng chi cân đối ngân sách.

đ) Rà soát, sửa đổi những chính sách ưu đãi về thuế không còn phù hợp và thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng cho doanh nghiệp; phát triển công nghiệp hỗ trợ; đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; góp phần nuôi dưỡng nguồn thu và tăng nguồn thu bền vững cho ngân sách, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán được giao.

e) Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; giảm bớt các khoản chi chưa thật sự cần thiết để dành nguồn lực ưu tiên chi đầu tư phát triển, chi cho các hoạt động phòng chống dịch và những hoạt động cấp bách khác.

g) Tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo tính kết nối vùng, bảo đảm tác động lan tỏa, tạo không gian phát triển mới.

2.6. Về tiền tệ và hoạt động ngân hàng:

a) Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, năng lực quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để kiểm soát và xử lý nợ xấu bảo đảm an toàn hệ thống.

b) Cơ cấu lại dịch vụ ngân hàng trên cơ sở tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

2.7. Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

a) Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số vững mạnh, giữ vững an ninh quốc phòng; đầu tư cơ sở hạ tầng; giải quyết các chính sách xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030.

c) Triển khai thực hiện kịp thời, phù hợp, có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo tinh thần Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của

Chính phủ gắn với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

3. Triển khai các đột phá, các công trình trọng điểm trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI:

3.1. Triển khai thực hiện các dự án, công trình trọng điểm:

a) Tập trung các nguồn vốn của Nhà nước để đầu tư theo tiến độ đối với từng công trình trọng điểm thuộc ngân sách đầu tư; thực hiện các biện pháp thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp thực sự có tiềm lực đầu tư và đẩy nhanh đầu tư đảm bảo sớm hoàn thành và đi vào hoạt động các công trình trọng điểm còn lại. Trong đó: ưu tiên huy động các nguồn lực, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính để triển khai các dự án, công trình trọng điểm; đặc biệt là tạo các nguồn lực đầu tư dự án đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương, các tuyến đường quốc lộ,...

b) Thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của 03 Tổ công tác chỉ đạo thực hiện các công trình trọng điểm tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025 (*Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh*) trong việc chỉ đạo, đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để triển khai thực hiện các công trình trọng điểm của tỉnh; tập trung, triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ theo kế hoạch.

c) Chủ động, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương; tập trung nguồn lực, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chủ động thực hiện công tác giải phóng mặt bằng,... để nhà đầu tư sớm triển khai các dự án, công trình trọng điểm theo đúng lộ trình.

d) Tiếp tục cơ cấu lại các dự án đầu tư đã được Quyết định chủ trương đầu tư; thực hiện các biện pháp đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án lớn có tầm ảnh hưởng rộng. Kiên quyết chấm dứt hoạt động, thu hồi đất đối với các dự án không có khả năng triển khai, các dự án lập thủ tục để giữ đất, các dự án vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

3.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện chính quyền điện tử:

a) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

b) Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và tinh thần của Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) và Kế hoạch số 48, 49-KH/TU của Tỉnh ủy (khóa X).

c) Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức gắn với Đề án án vị trí việc làm, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Triển khai Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; tiến tới chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số một cách phù hợp, thực chất và hiệu quả.

3.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và tận dụng thành tựu Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư:

a) Thực hiện đầu tư, phát triển thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc trở thành trung tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu, sáng tạo khoa học, giáo dục - đào tạo, chuyển giao công nghệ đa ngành, theo chuẩn quốc tế.

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt; nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số.

c) Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

d) Thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục ở các cấp học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia; đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, chú trọng đến dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học,...

e) Đào tạo nghề lao động nông thôn, lao động trong ngành nghề công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản, du lịch - dịch vụ gắn với nông, lâm nghiệp; nâng cao tay nghề, khả năng ứng dụng khoa học - kỹ thuật để người lao động tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

g) Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cơ chế phù hợp thu hút, trọng dụng và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ mới.

3.4. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, tạo bước đột phá phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp:

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công khai, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh theo quy định pháp luật.

b) Ban hành danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025, danh mục dự án sử dụng đất, phù hợp quy định của pháp luật và các quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương để thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án lớn, tầm ảnh hưởng rộng tạo bước đột phá mới trong phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên, khuyến khích đầu tư vào đổi mới công nghệ, phát triển những ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

c) Tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát; trong đó, chú trọng ký kết hợp tác phát triển giai đoạn 2021-2025 với các địa phương lớn, như: thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; hợp tác, thu hút đầu tư với các địa phương, đối tác của Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, ...

d) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng đề án phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận thành thành phố du lịch sinh thái, thông minh. Phân đầu đạt mục tiêu xây dựng thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thành trung tâm đô thị thông minh của tỉnh thông minh và là trung tâm sáng tạo, đổi mới.

đ) Nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư đối với các dự án từ nguồn vốn ODA và FDI; xác định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, bên cạnh vai trò trong huy động nguồn vốn còn đóng vai trò trong huy động công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

e) Thực hiện đồng bộ các biện pháp cải thiện căn bản môi trường đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi.

g) Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chính phủ; phát triển kinh tế tư nhân ở tất cả các ngành, lĩnh vực; phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 15.000 doanh nghiệp hoạt động. Ban hành, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác giai đoạn 2021-2025.

3.5. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, thủy lợi, năng lượng, du lịch, công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng mạng viễn thông tạo nền tảng phát triển kinh tế số:

a) Về hạ tầng đô thị:

- Phát triển đô thị phù hợp với xu hướng đô thị thông minh, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng đô thị.

- Rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh một số bất cập của Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/05/2014 về quy hoạch thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch đô thị vệ tinh, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; đưa ra khỏi quy hoạch các khu dân cư kéo dài quá lâu và không khả thi nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của người dân.

- Xây dựng chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở một cách khả thi, bám sát tình hình thực tế và định hướng phát triển của địa phương. Quy hoạch, đầu tư xây dựng đô thị Liên Khương - Prenn và một số đô

thị chuỗi vệ tinh cho thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; xây dựng huyện Đức Trọng trở thành thị xã và các đô thị đạt bộ tiêu chí đô thị quốc gia theo lộ trình.

b) Về hạ tầng giao thông:

- Xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng gắn với quy hoạch phát triển vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Duyên hải Nam Trung bộ. Huy động tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế, nhất là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo hình thức đối tác công tư để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với quy hoạch phát triển vùng tỉnh và huyện; xây dựng, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới nâng cao.

- Chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Đồng Nai để đẩy nhanh thực hiện dự án đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, đặc biệt là dự án cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương và xem đây là công trình đặc biệt quan trọng, đòn bẩy phát triển; đồng thời, tận dụng quỹ đất hai bên đường cao tốc đi qua để quy hoạch, thu hút đầu tư phát triển đô thị mới, khu, điểm công nghiệp, trạm dừng chân, sản xuất công nông nghiệp,... để khai thác hiệu quả dự án này và tiềm năng phát triển của các địa phương.

c) Về hạ tầng thủy lợi:

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, quản lý, khai thác hiệu quả các công trình sẵn có; đầu tư các công trình, dự án thủy lợi lớn, như: hồ Đông Thanh, hồ KaZam, hồ Ta Hoét; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để xây dựng hồ Đan Kia 2.

- Rà soát, đầu tư phát triển hệ thống đập, ao, hồ thủy lợi nhỏ, tăng thêm năng lực tưới, điều hòa và chống hạn; ứng dụng rộng rãi công nghệ tưới tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nước. Đầu tư, nâng cấp, quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn.

d) Về hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông:

- Tổ chức triển khai hiệu quả các kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật số phục vụ xây dựng thành phố thông minh, chính quyền điện tử, triển khai mạng di động thông tin 5G; tạo bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, internet..., làm cơ sở cho bước chuyển sang nền kinh tế số, hiện đại. Chú trọng quản lý, kết nối các dịch vụ du lịch; thương mại điện tử; kinh tế số; phát triển nông nghiệp thông minh; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,...

- Phát triển thị trường công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin; tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

4. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người; bảo đảm tiến bộ công bằng xã hội:

4.1. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo:

a) Thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đầu tư hoàn thiện các cơ sở giáo dục, trường học; quan tâm phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

b) Ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả thành tựu Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong ngành giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong dạy, học và quản lý giáo dục hướng tới nền giáo dục thông minh. Thí điểm và từng bước triển khai mô hình trường học điển hình đổi mới, lớp học thông minh tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và một số địa phương có điều kiện phù hợp.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội và thu hút nguồn lực quốc tế đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

4.2. Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người:

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 12/8/2020 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 9564/KH-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh về thực hiện kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; gắn việc phát huy các giá trị văn hóa với phát triển du lịch.

b) Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử văn hóa; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên. Từng bước hạn chế, tiến tới xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, công chức và đảng viên; tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách văn hóa.

c) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 trên địa bàn tỉnh; kế hoạch triển khai cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại giai đoạn 2021-2030; triển khai hiệu quả Đề án tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh.

4.3. Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội:

a) Về an sinh xã hội:

- Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng, bảo đảm mức sống từ trung bình khá trở lên; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách đối với trẻ em, người khuyết tật, người nghèo, nhất là các đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19,... Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Thực hiện tốt các định hướng giảm nghèo của Trung ương và địa phương; ưu tiên nguồn lực thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống cho các hộ nghèo; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo có nhà ở, có sinh kế, phương tiện để sản xuất. Thực hiện tốt việc huy động các nguồn lực xã hội và lồng ghép các chương trình, dự án giảm nghèo vào các chương trình có cùng mục tiêu để đem lại hiệu quả cao và bền vững.

b) Về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phát triển đồng bộ, hiện đại mạng lưới y tế; nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện; đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế. Mở rộng mạng lưới khám chữa bệnh y học cổ truyền, các bệnh viện chuyên khoa; phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; mô hình bác sỹ gia đình; mở rộng hồ sơ sức khỏe toàn dân.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực ngành y tế thực hiện các hoạt động y tế chuyên sâu, đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng cao, kỹ thuật cao.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo, điều hành quản lý của chính quyền và huy động sự tham gia của nhân dân, cả hệ thống chính trị trong công tác phòng chống dịch Covid-19; tổ chức tiêm chủng đại trà vắc xin Covid-19 cho cộng đồng gắn với phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

- Chú trọng công tác dự phòng, tiêm chủng, sàng lọc và phát hiện sớm, chữa trị kịp thời để nâng cao tầm vóc, thể lực, tuổi thọ và số năm sống khỏe của nhân dân, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Tổ chức triển khai hiệu quả chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ và các Chương trình, đề án liên quan.

5. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu:

5.1. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030, bám sát các quy hoạch, định hướng của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh Lâm Đồng, phù hợp với nhu cầu phát triển của nhân dân, đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai.

5.2. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản,... Xây dựng cơ sở dữ liệu, thao diễn, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

5.3. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, nhất là đất lúa, đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Rà soát, phân cấp quản lý phù hợp và thực hiện nghiêm quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

5.4. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Thực hiện các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, suối ở những vị trí xung yếu. Xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, kiểm soát chặt nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, giảm thiểu rác thải nhựa, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững; kiểm soát chặt chẽ môi trường tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và việc nhập khẩu phế liệu.

5.5. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ, phát triển rừng bền vững, khôi phục hệ thống rừng phòng hộ, triển khai đồng bộ các giải pháp để đạt tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%. Thực hiện hiệu quả việc trồng 50 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh Lâm

Đồng giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 2209/KH-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh.

6. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế:

6.1. Về quốc phòng, an ninh:

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ An ninh Quốc gia. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động.

b) Đấu tranh với các loại tội phạm, rà soát, phát hiện, phân loại và quản lý các đối tượng hình sự; kiên quyết không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí và chống ùn tắc giao thông tại các đô thị. Tăng cường quản lý, bảo đảm công tác phòng cháy, chữa cháy; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân.

c) củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

6.2. Về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế:

a) Thực hiện hiệu quả chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Trung ương (khoá XII) về tiến trình hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

b) Đổi mới công tác ngoại giao văn hoá và thông tin đối ngoại; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh địa phương. Tăng cường quan hệ, hợp tác phát triển kinh tế với địa phương các nước phát triển, cơ quan đại diện các nước và tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

III. Nhiệm vụ cụ thể:

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc:

1.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ cụ thể tại Chương trình hành động này của UBND tỉnh, có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình hành động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình. Trong đó, phải cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể trong kế hoạch hàng năm; đồng thời, triển khai ngay

các giải pháp, nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

1.2. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025), Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình hành động số 10-CT/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 205/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Cần nghiêm túc quán triệt thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

1.3. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của UBND tỉnh và Chương trình hành động của từng cơ quan, đơn vị và địa phương; định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, rà soát, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất biện pháp xử lý những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể: phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, tổ chức giám sát và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KH1, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**



Phụ lục: Danh mục các chương trình, đề án thuộc kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025

(kèm theo Kế hoạch hành động số **5806**/KH-UBND ngày **16** tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Tên chương trình, kế hoạch	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số, tận dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.			
1	Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021 - 2022
2	Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, giao thông, du lịch kết hợp với phát triển hệ thống hạ tầng về công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng số gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021 - 2022
3	Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh	Sở Công thương	Các Sở: NNPTNT, Y tế, TNMT, UBND các địa phương	Năm 2021
4	Báo cáo về định mức chi ngân sách và phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giai đoạn 2022 – 2025	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
5	Sơ kết Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện và đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở ban ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
6	Sơ kết Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao và đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở ban ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
7	Sơ kết Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ban ngành, UBND các địa phương	Năm 2021

STT	Tên chương trình, kế hoạch	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Kế hoạch phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Lâm Đồng 2021 – 2025	Sở Công thương	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch, UBND các địa phương	Năm 2021
9	Kế hoạch nâng cao hiệu quả đào tạo nghề và công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
10	Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để sớm đạt mục tiêu tỉnh Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, UBND các địa phương	Năm 2022
11	Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu	Sở Công thương	Các Sở, UBND các địa phương	Năm 2021
II	Triển khai các đột phá, các công trình trọng điểm trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI			
1	Quy định về trình tự, thủ tục, quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn; việc ban hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
2	Kế hoạch thực hiện các giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
3	Kế hoạch triển khai thực hiện các công trình trọng điểm trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
4	Xây dựng phương án cân đối ngân sách địa phương để bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án xây dựng Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương Đà Lạt	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	Năm 2021
5	Xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện để tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, ngân sách địa phương tự cân đối nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển đạt tỷ lệ 30% trong tổng chi cân đối ngân sách	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	Năm 2022

STT	Tên chương trình, kế hoạch	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện các công trình trọng điểm của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2023
7	Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo công tác cải cách hành chính và xây dựng chính quyền điện tử gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở ban ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
8	Sơ kết Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nội vụ	Các sở ban ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
9	Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2021
10	Xây dựng Đề án trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận trên cơ sở kế thừa Quyết định số 1528/QĐ-TTg, ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện: Lâm Hà, Đơn Dương, Lạc Dương, thành phố Đà Lạt	Năm 2022
11	Xây dựng Đề án trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết hoặc Kết luận về việc xây dựng và phát triển tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030 trở thành tỉnh khá toàn diện, đến 2045 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ban ngành, UBND các địa phương	Năm 2023 - 2024
12	Nghị quyết (hoặc Kết luận) của BTVTU về lãnh đạo phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ xây dựng thị trấn Di Linh thành trung tâm tiểu vùng II của tỉnh Lâm Đồng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, UBND huyện Di Linh	Năm 2022
13	Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo, quản lý hoạt động và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Xây dựng	UBND các địa phương	Năm 2023
14	Sơ kết kết quả triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2023
III	Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người; bảo đảm tiến bộ công bằng xã hội			

STT	Tên chương trình, kế hoạch	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Kế hoạch duy trì, củng cố và phát triển trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, UBND các địa phương	Năm 2022
2	Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành y tế giai đoạn 2021 – 2025	Sở Y tế	Các Sở: Nội vụ, Tài chính, UBND các địa phương	Năm 2022
3	Đề án phát triển ngành dược liệu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Y tế	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, UBND các địa phương	Năm 2023
4	Đề án bảo tồn, phát huy di sản văn hóa cộng đồng giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến năm 2035	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2022
5	Nghị quyết về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2025 và những năm tiếp theo	Ban Dân tộc, Sở Nội vụ	Các Sở: Nội vụ, Tài chính, UBND các địa phương	Năm 2022
IV	Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu			
1	Nghị quyết của BTVTU về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế, UBND các địa phương	Năm 2022